***Use case “Cancel Course” in Course Registration System:***

* Brief Description: Use case này cho phép sinh viên hủy môn học đã đăng kí có trong danh sách cho học kỳ sắp tới. Use case này chỉ được thực hiện trong khoảng thời gian người quản lý môn học (Course Manager) mở đăng ký, sau khoảng thời gian này use case sẽ bị vô hiệu hóa.
* Flow of Events:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tác nhân | Hành động |
| 1 | SV | Chọn lớp học muốn xóa trong danh sách các môn đã đăng kí |
| 2 | SV | Nhấn nút “Xóa đăng kí” |
| 3 | Hệ thống | Hiển thị danh sách mới nhất các môn học đã đăng kí sau khi xóa |
| 4 | SV | Nhấn nút “ Gửi đăng kí” |
| 5 | Hệ thống | Hiển thị danh sách mới nhất các môn học đã đăng kí |
|  |  | Alternative Flows |
| 4.1 | SV | Sinh viên đã xóa môn học đã đăng kí nhưng không nhấn nút “Gửi đăng kí” |
| 5.1 | Hệ thống | Hệ thống vẫn cập nhật danh sách môn học cũ khi chưa xóa. Môn học đó chưa xóa thành công |

\*Dữ liệu ra:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên | Quy cách hiển thị |
| 1 | Mã lớp | Abcde với abcde là Một số gồm 5 chữ số |
| 2 | Tên học phần | Theo tên chuẩn quy định |
| 3 | Mã học phần | Xyabcd với XY là phần chữ, abcd là sô gồm 4 chữ số |
| 4 | Loại lớp | Lý thuyết/Lý thuyết + Bài tập/ Thí nghiệm |
| 5 | Trạng thái lớp | “Kết thúc đăng kí” |
| 6 | Trạng thái đăng kí | Thành công |
| 7 | Loại đăng kí | Online/ofline |
| 8 | Số tín chỉ |  |